

PHỤ LỤC 01



**BẢNG TỔNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

**Dự án: Khu vực ô nhiễm nguồn nước giếng từ nguồn thải công ty khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo - địa phận xã An Khánh**

*Phương án công khai*

| STT      | Tổng diện tích thu hồi (m2) | Đất ở    | Tổng số người có đất bị thu hồi | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Tiến độ thực hiện phương án bồi thường | Ghi chú  |
|----------|-----------------------------|----------|---------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|----------|
| <i>1</i> | <i>2</i>                    | <i>3</i> | <i>5</i>                        | <i>6</i>                               | <i>7</i>                               | <i>8</i> |
| 1        | 1493,0                      | 1.493,0  | 5                               | 11.342.596.850                         | Năm 2026                               |          |

PHỤ LỤC 02

PHỤ LỤC TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT  
Dự án: Khu vực ô nhiễm nguồn nước giếng từ nguồn thải công ty khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo  
Địa điểm: xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên



| Phương án công khai |                                                        |                                          |                                            |                        |                |                           |                                                                 |                                 |                                   |                                           |                          |                          | Đơn vị                                   |
|---------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|----------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------------------|
| STT                 | Họ và tên của người có đất thu hồi, Chủ sở hữu tài sản | Số căn cước công dân (định danh cá nhân) | Địa chỉ (Nơi thường trú và nơi ở hiện nay) | Diện tích thu hồi (m2) | Bồi thường     |                           |                                                                 |                                 |                                   | Hỗ trợ                                    |                          |                          | Thưởng BGMB trước thời hạn đối với đất ở |
|                     |                                                        |                                          |                                            |                        | Bồi thường đất | Tiền sử dụng đất phải nộp | Giá trị bồi thường đất sau khi trừ đi tiền sử dụng đất phải nộp | Bồi thường thiệt hại về tài sản | Bồi thường thiệt hại về cây trồng | Hỗ trợ thuê nhà, hỗ trợ di chuyển tài sản | Hỗ trợ di chuyển tài sản | Hỗ trợ tự lo tái định cư |                                          |
| a                   | b                                                      | c                                        | d                                          | l                      | 2              | 3                         | 4                                                               | 5                               | 6                                 | 7                                         | 8                        | 9                        | 10                                       |
| 1                   | Ông Hoàng Văn Hà và bà Phạm Thị Huyền                  | 019073014132                             | xóm Suối Cát, xã An Khánh                  | 248,0                  | 545.600.000    | 198.400.000               | 347.200.000                                                     | 614.428.246                     | 8.957.049                         | 36.000.000                                | 10.000.000               | 289.000.000              | 20.000.000                               |
| 2                   | Ông Hoàng Văn Khoa                                     | 019058005133                             | xóm Suối Cát, xã An Khánh                  | 350,0                  | 770.000.000    | 280.000.000               | 490.000.000                                                     | 1.694.844.307                   | 1.411.000                         | 36.000.000                                | 10.000.000               | 325.000.000              | 20.000.000                               |
| 3                   | Ông Hoàng Văn Hồi                                      | 019086007597                             | xóm Suối Cát, xã An Khánh                  | 195,0                  | 429.000.000    | 156.000.000               | 273.000.000                                                     | 1.111.981.836                   | 17.500                            | 36.000.000                                | 10.000.000               | 245.000.000              | 20.000.000                               |
| 4                   | Ông Hoàng Văn Hậu                                      | 019054002411                             | xóm Suối Cát, xã An Khánh                  | 700,0                  | 1.540.000.000  |                           | 1.540.000.000                                                   | 2.590.189.259                   |                                   | 36.000.000                                | 10.000.000               | 500.000.000              | 20.000.000                               |
| 5                   | Ông Nguyễn Đức Bình                                    |                                          | xóm Suối Cát, xã An Khánh                  |                        |                |                           |                                                                 | 1.047.543.153                   | 24.500                            |                                           |                          |                          |                                          |
|                     | Tổng cộng                                              |                                          |                                            | 1.493,0                | 3.284.600.000  | 634.400.000               | 2.650.200.000                                                   | 7.058.986.801                   | 10.410.049                        | 144.000.000                               | 40.000.000               | 1.359.000.000            | 80.000.000                               |